

BIỂU PHÍ VÀ LÃI SUẤT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THẺ TÍN DỤNG CÁ NHÂN THÔNG THƯỜNG

STT/ NO	TÊN PHÍ, LÃI/ FEE INTEREST NAME	LOTTE FINANCE VISA PLATINUM	LOTTE FINANCE VISA	LOTTE DEPARTMENT STORE – LOTTE FINANCE VISA	LOTTE MART – LOTTE FINANCE VISA	LOTTE FINANCE VISA FOR LADY/ MAN	LOTTE FINANCE VISA FOR YOUNG	LOTTE FINANCE VISA THE LOTTE	LOTTE FINANCE VISA THE LOTTE YOUNG	LOTTE FINANCE VISA THE LOTTE PREMIUM	LOTTE FINANCE VISA LOTTE RENTAL
1	Phát hành thẻ/Card Issuance Fee	Miễn phí/Free									
	Phát hành thẻ mới/ New Card Issuance Fee										
	Phát hành thẻ thay thế thẻ hết hạn/ Card Replacement For Expired Card Fee										
2	Phí thường niên/Annual Fee ⁽ⁱ⁾										
	Thẻ chính/Primary	1,000,000/năm/year	200,000/năm/year	400,000/năm/year	200,000/năm/year	499,000/năm/year	Miễn phí/Free	499,000/năm/year	Miễn phí/Free	1,000,000/năm/year	200,000/năm/year
	Thẻ phụ/Supplementary	Miễn phí/Free	200,000/năm/year	200,000/năm/year	200,000/năm/year	299,000/năm/year	Miễn phí/Free	299,000/năm/year	Miễn phí/Free	Miễn phí/Free	Không áp dụng
3	Phí phát hành lại thẻ	110,000/lần/Time									
	Card Re-issuance Fee										
4	Phí cấp lại PIN giấy/ePIN	22,000/lần/Time									
	PIN Re – Re-issuance										
5	Phí chậm thanh toán ⁽ⁱⁱ⁾	3%, tối thiểu (min) 100,000/lần/Time					5%, tối thiểu (min) 100,000/lần/Time				
	Late Payment Fee										
6	Phí thông báo thẻ mất cấp thất lạc	220,000/lần/Time									
	Lost/Stolen Fee										
7	Phí vượt hạn mức	Miễn phí/Free									
	Credit Limit Exceed Fee										
8	Phí truy vấn thông tin tại ATM	8,800/giao dịch/Transactions									
	Account Inquiry at ATM fee										
9	Phí SMS ⁽ⁱⁱⁱ⁾	11,000/tháng/Month									
	SMS Fee										
10	Phí cung cấp hóa đơn giao dịch	55,000/ bản/Copy									
	Transaction slip copy request fee										
11	Phí cung cấp lại bản sao sao kê	55,000/ bản/Copy									
	Statement Copy fee										
12	Phí tra soát, khiếu nại sai	110,000/yêu cầu/Request									
	Dispute Investigation fee										
13	Phí giao dịch ở nước ngoài ^(iv)	3% giá trị giao dịch/Transaction value									
	Overseas Transaction fee										

STT/ NO	TÊN PHÍ, LÃI/ FEE INTEREST NAME	LOTTE FINANCE VISA PLATINUM	LOTTE FINANCE VISA	LOTTE DEPARTMENT STORE – LOTTE FINANCE VISA	LOTTE MART – LOTTE FINANCE VISA	LOTTE FINANCE VISA FOR LADY/ MAN	LOTTE FINANCE VISA FOR YOUNG	LOTTE FINANCE VISA THE LOTTE	LOTTE FINANCE VISA THE LOTTE YOUNG	LOTTE FINANCE VISA THE LOTTE PREMIUM	LOTTE FINANCE VISA LOTTE RENTAL	
14	Phí rút tiền mặt tại ATM/ Cash withdrawal at ATM fee	4% giá trị giao dịch (transaction value), tối thiểu (min) 50,000					Miễn phí/ Free					
15	Phí chuyển đổi trả góp/ Instalment Conversion Fee											
	Kỳ hạn 3 tháng/Tenor 3 months						3%					
	Kỳ hạn 6 tháng/Tenor 6 months						6%					
	Kỳ hạn 9 tháng/Tenor 9 months						9%					
	Kỳ hạn 12 tháng/Tenor 12 months						12%					
	Kỳ hạn khác/Other tenor						N = 1%					
	N% x số tháng (month number) x giá trị giao dịch (transaction value)											
16	Phí hủy giao dịch trả góp/ Instalment Cancellation Fee											
17	Lãi suất thông thường/ Yearly Normal Interest Rate ^(v)	28%/năm	32%/năm			45%/năm						
18	Lãi suất quá hạn (áp dụng khi Chủ thẻ có quá hạn trên 90 ngày) ^(vi)	150% lãi suất thông thường/Normal Interest Rate										
	Late Interest Rate (applied for customers overdue from 90 days and above)											
19	Phí giao dịch đặc biệt ^(vii) Special Transaction Fee	4% giá trị giao dịch (transaction value, tối thiểu (min) 100,000/lần/Time										

Lưu ý:

Biểu phí trên có đơn vị là VND, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Các mục phí 1, 2, 5, 7, 13, 14, 19 không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

(i) Lưu ý với Phí thường niên:

Năm đầu tiên:

- Phí thường niên được hoàn khi khách hàng thực hiện giao dịch bất kỳ trong vòng x ngày được tính từ (và bao gồm cả) ngày thẻ được kích hoạt. Trong đó:

o x = 30 với các thẻ LOTTE Finance Visa for Lady, LOTTE Finance Visa for Man, LOTTE Finance Visa The LOTTE, LOTTE Finance Visa The LOTTE Premium

o x = 90 đối với các thẻ khác

- Phí thường niên được hoàn trên từng thẻ chính và các thẻ phụ (nếu có) vào ngày khách hàng thực hiện giao dịch đầu tiên của từng thẻ.

- Đối với thẻ phát hành thay thế hết hạn: Miễn phí.

Các năm tiếp theo:

- Phí thường niên được thu vào ngày phát hành thẻ trên từng thẻ chính và các thẻ phụ (nếu có) và Phí thường niên được hoàn trên từng thẻ nếu tổng chi tiêu của thẻ đó trong năm liền trước đạt:

o 400 triệu đồng đối với thẻ LOTTE Finance Visa The LOTTE Premium (tổng chi tiêu được tính theo Hợp đồng thẻ bao gồm thẻ chính và thẻ phụ)

o 100 triệu đồng đối với thẻ LOTTE Finance Visa The LOTTE (tổng chi tiêu được tính theo Hợp đồng thẻ bao gồm thẻ chính và thẻ phụ)

o 80 triệu đồng đối với thẻ LOTTE Finance Visa Platinum

o 60 triệu đồng đối với thẻ LOTTE Finance Visa for Lady, LOTTE Finance Visa for Man (tổng chi tiêu được tính theo Hợp đồng thẻ bao gồm thẻ chính và thẻ phụ)

o 50 triệu đồng đối với thẻ LOTTE Finance Visa, LOTTE Department Store – LOTTE Finance Visa, LOTTE Mart – LOTTE Finance Visa, LOTTE Finance Visa LOTTE Rental

(ii) Phí chậm thanh toán tính theo số tiền mà khách hàng thanh toán không đúng hạn.

(iii) Phí SMS là phí mà LOTTE Finance thu khi khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ SMS cho phép khách hàng nhận thông báo biến động tài khoản thẻ tín dụng thông qua tin nhắn gửi đến số điện thoại di động. Khách hàng có thể chấm dứt dịch vụ hoặc đăng ký dịch vụ SMS qua CSKH 1900 6866 hoặc +84 247 3020202 (ngoài Việt Nam) hoặc Mobile app/web của LOTTE Finance.

(iv) Giao dịch ở nước ngoài là các giao dịch thanh toán cho các Đơn vị chấp nhận thẻ ở bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ do LOTTE Finance quy định và lấy theo thời điểm giao dịch được thanh quyết toán.

(v) Lãi suất này áp dụng đối với dư nợ phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, giao dịch rút tiền/ùng tiền mặt, phí. Lãi tính từ ngày giao dịch thẻ được cập nhật vào Hệ thống quản lý Thẻ của LOTTE Finance cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ giá trị giao dịch, trừ trường hợp ưu đãi miễn lãi theo quy định của LOTTE Finance.

(vi) Lãi suất này áp dụng đối với toàn bộ dư nợ gốc và phí trên tài khoản thẻ tín dụng của chủ thẻ.

(vii) Phí giao dịch đặc biệt được tính dựa trên những giao dịch đặc biệt được ĐVCNT quy định.

Note:

Unit is VND, included VAT. Items 1, 2, 5, 7, 13, 14, 19 are without VAT.

(i) Note with Annual fee:

The first year:

- Annual fee will be refunded when customers make any transaction within x days from the date that card is activated.

In which:

o x = 30 with LOTTE Finance Visa for Lady, LOTTE Finance Visa for Man, LOTTE Finance Visa The LOTTE, LOTTE Finance Visa The LOTTE Premium credit cards

o x = 90 with other credit cards

- Annual fee will be refunded on each card on date when customer make the first transaction of each card.

- The new card is issued to replace the expired card: Free.

The second year onward:

- Annual Fee is collected on each primary and supplementary card (if any) on issue date and Annual fee will be refunded on each card if total spending of this card in the previous year reached:

o 400 million dong with LOTTE Finance Visa The LOTTE Premium (total spending is calculated base on credit card account including both primary and supplementary cards)

o 100 million dong with LOTTE Finance Visa The LOTTE (total spending is calculated base on credit card account including both primary and supplementary cards)

o 80 million dong with LOTTE Finance Visa Platinum

o 60 million dong with LOTTE Finance Visa for Lady, LOTTE Finance Visa for Man (total spending is calculated base on credit card account including both primary and supplementary cards)

o 50 million dong with LOTTE Finance Visa, LOTTE Department Store – LOTTE Finance Visa, LOTTE Mart – LOTTE Finance Visa, LOTTE Finance Visa LOTTE Rental

(ii) Late payment fee calculated on amount that customer not pay on due date.

(iii) SMS fee is fee that LOTTE Finance collects upon Customers register using SMS service, this service allowed Customers to receive when credit card account is varied via SMS to mobile phone numbers. Customer can subscribe or unsubscribe SMS service via Call Center 1900 6866 or +84 247 3020202 (Oversea) or Mobile app/web of LOTTE Finance.

(iv) Transaction overseas is retails transaction on Merchant at outside Viet Nam.Exchange rate due LOTTE Finance regulate and following at the time of transaction is settled.

(v) This interest rate applies with outstanding from retail transaction, service, cash advance, fee, interest calculated from the date of card transaction is updated into LOTTE Finance’s Card Managerment System until the day that Card holder pay all principal & interest outstanding, exclude case waive interest according LOTTE Finance’s regulation.

(vi) This interest applies with total outstanding balan e (principal & fee) on credit card of Cardholder.

(vii) Special Transaction Fee calculated based on Special Transaction which is defined by Acquirer.

“Biểu phí và lãi suất áp dụng đối với Thẻ tín dụng cá nhân thông thường” kèm theo Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 29 tháng 08 năm 2024 và thay thế Biểu phí và lãi suất áp dụng đối với Thẻ tín dụng cá nhân thông thường số 24M83620/360 ban hành ngày 04/04/2024.